

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN**

Số: **01** /PA-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thủy Nguyên, ngày **17** tháng **01** năm 2025

PHƯƠNG ÁN

Sắp xếp, sáp nhập các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn thành phố Thủy Nguyên theo Kế hoạch 303/KH-UBND 31/12/2024 của UBND thành phố Hải Phòng

I. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CỦA CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN

1. TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ

- a. Số lượng các trường: 37 trường với 614 lớp, số học sinh: 19184.
- b. Số lớp các trường, chia ra:
 - Trường dưới 15 lớp: 12 trường.
 - Trường từ 15 lớp đến 30 lớp: 25 trường.
 - Trường trên 30 lớp: 0 trường.
- c. Số trường trên mỗi xã/ phường.
 - Xã/ phường có 1 trường: 8 phường.
 - Xã/ phường có 2 trường: 9 xã/phường.
 - Xã/ phường có 3 trường: 4 xã/phường.
- d. Số lượng người làm việc: 1870 người, chia ra:
 - Cán bộ quản lý: 103 người, trong đó:
 - + Hiệu trưởng: 33 người.
 - + Phó Hiệu trưởng: 70 người.
 - Giáo viên: 1274 người, trong đó:
 - + Biên chế: 1273 người.
 - + Hợp đồng trong chỉ tiêu: 01 người.
 - Nhân viên:
 - + Nhân viên hành chính: 43 người (biên chế: 32, hợp đồng: 11).
 - + Nhân viên nuôi: 386 người.
 - Bảo vệ, lao công
 - + Bảo vệ: 64 người.
 - + Lao công: 45 người.

(có phụ lục số 01 kèm theo)

2. TRƯỜNG TIỂU HỌC CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ

- a. Số lượng các trường: 36 trường, 835 lớp, 30.771 học sinh.
- b. Số lớp ở các trường, chia ra:
 - Trường có dưới 15 lớp: 02 trường.
 - Trường có từ 15 lớp đến dưới 30 lớp: 27 trường.
 - Trường có từ 30 lớp: 07 trường.
- c. Số trường trên mỗi xã/phường.
 - Xã/phường có 1 trường: 9 phường.
 - Xã/phường có 2 trường: 8 xã/phường.
 - Xã/phường có 3 trường: 4 xã/phường.
- d. Số lượng người làm việc: 1.397 người, trong đó:
 - Cán bộ quản lý: 81 người, trong đó:
 - + Hiệu trưởng: 35 người.
 - + Phó Hiệu trưởng: 46 người.
 - Giáo viên: 1.174 người, trong đó:
 - + Biên chế: 1.158 người.
 - + Hợp đồng trong chỉ tiêu: 16 người.
 - Nhân viên hành chính: 53 người (hợp đồng: 12, biên chế: 41).
 - Bảo vệ, lao công
 - + Bảo vệ: 68 người.
 - + Lao công: 43 người.

(có phụ lục số 02 kèm theo)

3. TRƯỜNG THCS CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ

- a. Số lượng các trường: 31 trường, 621 lớp, 26.610 học sinh.
- b. Số lớp các trường, chia ra:
 - Trường có dưới 15 lớp: 06 trường.
 - Trường có từ 15 lớp đến dưới 30 lớp: 23 trường
 - Trường trên từ 30 lớp: 02 trường.
- c. Số trường trên mỗi xã/phường.
 - Xã/phường có 1 trường: 11 xã/phường.
 - Xã/phường có 2 trường: 9 xã/phường.
 - Xã/phường có 3 trường: 01 xã.
- d. Số lượng người làm việc: 1.234 người, chia ra:
 - Cán bộ quản lý: 68 người, trong đó:
 - + Hiệu trưởng: 31 người.
 - + Phó Hiệu trưởng: 37 người.

- Giáo viên: 1.016 người, trong đó:
- + Biên chế: 973 người.
- + Hợp đồng trong chỉ tiêu: 43 người.
- Nhân viên hành chính: 85 người (hợp đồng: 14, biên chế: 71)
- Bảo vệ, lao công
- + Bảo vệ: 47 người.
- + Lao công: 27 người.

(có phụ lục số 03 kèm theo)

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CỦA CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” (sau đây gọi là Nghị quyết số 18-NQ/TW);
- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập" (sau đây gọi là Nghị quyết số 19-NQ/TW);
- Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017;
- Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
- Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017; Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017;
- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;
- Nghị định số 83/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã được

sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/202/NĐ-CP ngày 28/8/ 2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

- Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ Trường Tiểu học;

- Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ trường mầm non;

- Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024);

- Công văn số 3712/BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; Công văn số 826/BGDĐT-CSVC ngày 29/02/2024 về việc hướng dẫn thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và thường xuyên;

- Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về phân công triển khai sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn thành phố (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 31/12/2024);



2. Sự cần thiết

a. Việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc của các trường công lập trên địa bàn thành phố nhằm bảo đảm triển khai thực hiện kịp thời, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả và toàn diện các Nghị định của Chính phủ: số 107/2020/NĐ-CP, số 108/2020/NĐ-CP, số 102/2020/NĐ-CP với việc thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chương trình, Kế hoạch của Thành ủy, UBND thành phố Hải Phòng về sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo mục tiêu: “Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương”, “việc sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức và các đầu mối bên trong của từng tổ chức theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó...”.

b. Việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn thành phố nhằm khắc phục những khó khăn, hạn chế về cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng người làm việc và phân công công việc tại các trường hiện nay để thực hiện mục tiêu giảm trùng lắp, tạo sự đồng bộ, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị; sự chuyên môn hóa trong công tác tham mưu của các đơn vị chuyên môn trong các cơ quan, đơn vị, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và các nguồn lực vật chất khác của đơn vị.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. MỤC ĐÍCH

a. Thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo chỉ đạo của Trung ương, Thành ủy bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND các cấp nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân, tăng cường sự quản lý thông suốt từ Trung ương đến địa phương.

b. Xác định và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, đơn vị thuộc UBND huyện triển khai nhiệm vụ theo Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 31/12/2024 bảo đảm mục tiêu, yêu cầu, tiến độ đề ra.

2. YÊU CẦU

a. Việc kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện đúng định hướng, yêu cầu chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, của Ban Chỉ đạo Thành ủy và Ban Cán sự đảng UBND thành phố. Việc triển khai phải tiến hành khách quan, dân chủ, khoa học, cầu thị, cụ thể, sâu sắc, khẩn trương; đánh giá nghiêm túc, toàn diện về tình hình và kết quả đạt được, xác định rõ những yếu kém, bất cập, nguyên nhân; từ đó đề xuất nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông. Việc thực hiện sắp xếp, sáp nhập phải đảm bảo nguyên tắc tạo thuận lợi cho người dân, đảm bảo quyền lợi cho học sinh.

b. Làm tốt công tác tư tưởng cho từng cán bộ, viên chức, người lao động, phải có sự đoàn kết, thống nhất, đồng thuận, quyết tâm cao, dũng cảm và hy sinh lợi ích cá nhân, vì lợi ích chung của từng tổ chức, trong đó:

- Quán triệt nội dung định hướng và kế hoạch, tiến độ sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của UBND thành phố theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Thành ủy.

- Chú trọng công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong quá trình sắp xếp, đề xuất phương án kiện toàn tổ chức bộ máy. Làm tốt công tác chính trị, tư tưởng cho cán bộ, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

- Xây dựng phương án, chuẩn bị đầy đủ điều kiện cần thiết để sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, viên chức, người lao động khi có phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Bộ máy mới phải tốt hơn bộ máy cũ và đi vào hoạt động ngay, không để ngắt quãng công việc, không để khoảng trống về thời gian; không để ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của xã hội, của người dân, của học sinh...

c. Khi xây dựng Phương án, đề án sắp xếp, sáp nhập các trường học đồng thời phải tính đến xây dựng phương án sắp xếp, bố trí cán bộ viên chức, nhất là đối với cán bộ, lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các nhà trường; xây dựng lộ trình cụ thể để thực hiện việc điều chỉnh số lượng biên chế, viên chức bảo đảm theo quy định chung và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của trường học mới hình thành sau sắp xếp.

III. NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SÁP NHẬP

1. NGUYÊN TẮC

a. Nguyên tắc chung để thực hiện rà soát

Thực hiện theo: Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; Công văn số 3712/BGDĐT ngày 24/8/2018 và công văn số 826/BGDĐT-CSVC ngày 29/02/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo với một số nguyên tắc chung như sau:

- Việc tổ chức lại, dồn ghép, sáp nhập phải căn cứ vào các quy định: tiêu chuẩn cơ sở vật chất (CSVC) trường, lớp học; quy mô trường, lớp; số học sinh/lớp; tiêu chuẩn giáo viên; diện tích đất, bán kính phục vụ của các CSGD, quy mô dân số.

- Mạng lưới trường học được sắp xếp phải bảo đảm tính khoa học, linh hoạt, kế thừa, ổn định lâu dài và phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa phương; phù hợp với việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã, theo hướng tinh gọn; chỉ sáp nhập các điểm trường, trường có quy mô nhỏ ở cùng địa bàn cấp xã hoặc liên xã nếu có khoảng cách địa lý phù hợp và giao thông thuận tiện.

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp, sáp nhập các trường tiểu học, THCS có quy mô dưới 15 lớp; Tiếp tục rà soát để có phương án thực hiện sắp xếp, sáp nhập các trường mầm non, tiểu học, THCS trên cùng một địa bàn đơn vị hành chính cấp xã để đề xuất phương án sắp xếp, sáp nhập các trường cùng cấp học hoặc thành lập trường liên cấp phù hợp theo từng giai đoạn.

- Việc sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở phải thực hiện trên nguyên tắc tạo thuận lợi cho người dân, bảo đảm quyền lợi cho học sinh. Không bắt buộc thực hiện sắp xếp đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục đã thực hiện sắp xếp theo Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 11/3/2022 và Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 17/6/2024 của UBND thành phố; Không sáp nhập các cơ sở giáo dục mầm non với các cơ sở giáo dục phổ thông.

- Việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và thường xuyên phải bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch trước, trong và sau quá trình thực hiện.

b. Nguyên tắc cụ thể cho phương án rà soát, sắp xếp, sáp nhập trong năm 2025

- Không sáp nhập trường mầm non với trường phổ thông, không sáp nhập trường mầm non liên xã hoặc phường với trường có quy mô từ 10 lớp trở lên tính theo điều lệ trường mầm non; không sáp nhập trường liên xã với phường; không sáp nhập các trường đã sáp nhập theo hoạch số 57/KH-UBND ngày 11/3/2022 và Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 17/6/2024 của UBND thành phố, các trường đã có kế hoạch xây dựng trường tiên tiến theo nghị quyết số 18-NQ/HU ngày 30/6/2023 của Ban chấp hành đảng bộ thành phố Thủy Nguyên.

- Thực hiện sáp nhập trong năm 2025: Với các trường mầm non có số trẻ chia ra số lớp theo điều lệ từ 9 lớp trở xuống; 2 trường sáp nhập có số lớp nhỏ hơn 15 lớp, thuận lợi về giao thông và trường sau sáp nhập có số điểm trường nhỏ hơn 4 điểm. Sáp nhập với các trường phổ thông có số lớp nhỏ hơn 15 lớp ở các xã/phường không thuộc khu trung tâm hành chính hoặc khu có nhiều cụm công nghiệp hay đô thị (phường: Dương Quan, Thủy Hà, Thủy Đường, Lê Hồng Phong...), chưa thực hiện trường tiểu học và THCS sau sáp nhập có số lớp vượt quá quy định (tiểu học trên 40 lớp, THCS có trên 45 lớp), trường sau sáp nhập có số điểm trường từ 4 điểm trở lên và khó khăn về giao thông.

- Rà soát đưa ra phương án để thực hiện giai đoạn tiếp theo với các trường ở trên một địa bàn xã/phường mỗi bậc học có từ 2 trường trở lên lần lượt thực hiện trước với các trường sau sáp nhập có số lớp ít hoặc mỗi bậc học trên một địa bàn xã/phường có trên 2 trường.

2. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SÁP NHẬP

Để đảm bảo có lộ trình qua đó đảm bảo quyền lợi người học, người lao động; tránh gây xáo trộn lớn trong ngành giáo dục của thành phố, phương án sắp xếp, sáp nhập phân chia thành từng nhóm để thực hiện theo các giai đoạn để hoàn thành phương án, với mỗi nhóm, mỗi giai đoạn sẽ xây dựng đề án để thực hiện.

- Hoàn thành xây dựng Đề án trong quý I năm 2025 để thực hiện với 12 trường trong diện thực hiện sắp xếp, sáp nhập năm 2025.

- Rà soát xây dựng lộ trình sắp xếp 56 trường còn lại để đề xuất, xây dựng phương án sắp xếp, sáp nhập các trường cùng cấp học hoặc thành lập trường liên cấp theo những năm tiếp theo.

(Có phụ lục số 04 kèm theo)

Kết quả sau khi thực hiện rà soát năm 2025:

- Giữ nguyên 36 trường không sắp xếp, sáp nhập, trong đó:
 - + 26 trường có số lớp từ 15 lớp trở lên và mỗi phường/xã một cấp học chỉ có 1 trường.
 - + 4 trường đã thực hiện theo kế hoạch số 57.
 - + 3 trường ở phường Thủy Đường đề xuất xây dựng trường tiên tiến, tiến tới xây dựng trường tự chủ chất lượng cao.
 - + 3 trường: Mầm non Tam Hưng 10 lớp do có 01 trường/phường, không sáp nhập với trường phổ thông; mầm non Minh Tân do trường Mầm non Gia Đức và Gia Minh trên xã Bạch Đằng đã đề xuất sáp nhập trong năm 2025, sáp nhập 3 trường quy mô vượt quá quy định (45 lớp và 4 điểm trường); THCS Thủy Đường không sáp nhập do trường THCS Lê Ích Mộc giữ nguyên để xây dựng trường tiên tiến cấp thành phố Thủy Nguyên và năm 2019 đã thực hiện sáp nhập (trường THCS Núi Đèo và THCS Thủy Sơn).
- Rà soát để thực hiện sắp xếp vào những năm tiếp theo với: 56 trường.
- Thực hiện lập đề án để sắp xếp, sáp nhập với 12 trường thành 6 trường trường trong năm 2025.
- Tổng số các trường công lập toàn ngành giáo dục Thủy Nguyên sau sáp nhập là: 98 trường (giảm 6 trường), trong đó:
 - + Trường MN: 34 trường (giảm 3 trường).
 - + Trường TH: 35 trường (giảm 1 trường).
 - + Trường THCS: 29 trường (giảm 2 trường).
- Kết quả các giai đoạn đã thực hiện:

	Số trường	Số trường giảm	Tỷ lệ giảm so với trước thực hiện NQ 18 (giảm so với tháng 12/2024)
Trước Nghị quyết 18 (năm 2017)	111		
Đến tháng 12/2024	104	7	6,3%
Sau khi thực hiện năm 2025	98	6	11,71% (5,77%)

IV. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN**1. Các trường thực hiện sắp xếp sáp nhập trong năm 2025**

Stt	Trường	Thực hiện trên phường/xã	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Tiến độ
1	MN Gia Đức	Bạch Đằng	Phòng GD&ĐT	Phòng Nội vụ, Phòng TC-KH	Theo tiến độ của UBND TP Hải Phòng
2	MN Gia Minh	Bạch Đằng			
3	MN Lưu Kiếm	Lưu Kiếm	Phòng GD&ĐT	Phòng Nội vụ, Phòng TC-KH	Theo tiến độ của UBND TP Hải Phòng
4	MN Lưu Kỳ	Lưu Kiếm			
5	MN Phả Lễ	Nam Triệu Giang	Phòng GD&ĐT	Phòng Nội vụ, Phòng TC-KH	Theo tiến độ của UBND TP Hải Phòng
6	MN Phục Lễ	Nam Triệu Giang			

Stt	Trường	Thực hiện trên phường/xã	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Tiến độ
7	TH Gia Đức	Bạch Đằng	Phòng GD&ĐT	Phòng Nội vụ, Phòng TC-KH	Theo tiến độ của UBND TP Hải Phòng
8	TH Gia Minh	Bạch Đằng			
9	THCS Hoàng Động	Hoàng Lâm	Phòng GD&ĐT	Phòng Nội vụ, Phòng TC-KH	Theo tiến độ của UBND TP Hải Phòng
10	THCS Lâm Động	Hoàng Lâm			
11	THCS Phả Lễ	Nam Triệu Giang	Phòng GD&ĐT	Phòng Nội vụ, Phòng TC-KH	Theo tiến độ của UBND TP Hải Phòng
12	THCS Phục Lễ	Nam Triệu Giang			

2. Các trường rà soát để thực hiện vào các năm tiếp theo

Stt	Trường	Phường/Xã	Số học sinh/ Trẻ	Số lớp	
				Trường đang thực hiện	Chia học sinh (trẻ) theo Điều lệ trường
1	TH Minh Tân	Bạch Đằng	969	27	28
2	THCS Minh Tân	Bạch Đằng	806	19	18
3	MN Dương Quan	Dương Quan	443	14	16
4	MN Tân Dương	Dương Quan	519	15	18
5	TH Dương Quan	Dương Quan	746	20	21
6	TH Tân Dương	Dương Quan	720	21	21
7	THCS Dương Quan	Dương Quan	672	17	15
8	THCS Tân Dương	Dương Quan	624	14	14
9	MN Hoàng Động	Hoàng Lâm	405	15	14
10	MN Lâm Động	Hoàng Lâm	403	12	14
11	TH Hoàng Động	Hoàng Lâm	690	19	20
12	TH Lâm Động	Hoàng Lâm	537	15	15
13	MN Mỹ Đồng	Lê Hồng Phong	471	15	16
14	MN Kiên Bái	Lê Hồng Phong	646	20	22
15	TH Kiên Bái	Lê Hồng Phong	1120	30	32
16	TH Mỹ Đồng	Lê Hồng Phong	679	19	19
17	THCS Kiên Bái	Lê Hồng Phong	992	22	22
18	THCS Mỹ Đồng	Lê Hồng Phong	571	15	13
19	MN Lại Xuân	Liên Xuân	510	19	17
20	MN Liên Khê	Liên Xuân	695	24	24
21	TH Lại Xuân	Liên Xuân	793	22	23
22	TH Liên Khê	Liên Xuân	1082	29	31

MIỀN T. P. H. A. I.

Stt	Trường	Phường/Xã	Số học sinh/ Trẻ	Số lớp	
				Trường đang thực hiện	Chia học sinh (trẻ) theo Điều lệ trường
23	THCS Lại Xuân	Liên Xuân	858	20	19
24	THCS Liên Khê	Liên Xuân	954	22	21
25	TH Phả Lễ	Nam Triệu Giang	598	15	17
26	TH Phục Lễ	Nam Triệu Giang	609	16	17
27	MN Kỳ Sơn	Ninh Sơn	559	19	19
28	MN An Sơn	Ninh Sơn	354	15	12
29	MN Phù Ninh	Ninh Sơn	327	14	11
30	TH An Sơn	Ninh Sơn	535	15	15
31	TH Phù Ninh	Ninh Sơn	461	14	13
32	TH Kỳ Sơn	Ninh Sơn	863	23	25
33	THCS Kỳ Sơn	Ninh Sơn	780	18	17
34	MN Hợp Thành	Quang Trung	498	15	17
35	MN Chính Mỹ	Quang Trung	497	15	17
36	MN Cao Nhân	Quang Trung	414	13	14
37	TH Chính Mỹ	Quang Trung	969	26	28
38	TH Hợp Thành	Quang Trung	712	20	20
39	TH Cao Nhân	Quang Trung	852	23	24
40	THCS Chính Mỹ	Quang Trung	766	18	17
41	THCS Cao Nhân	Quang Trung	681	16	15
42	THCS Hợp Thành	Quang Trung	603	15	13
43	TH Tam Hưng	Tam Hưng	527	15	15
44	THCS Tam Hưng	Tam Hưng	532	13	12
45	MN Thủy Sơn	Thủy Đường	415	14	15
46	MN Thủy Đường	Thủy Đường	758	20	26
47	TH Thủy Đường	Thủy Đường	1232	31	35
48	TH Thủy Sơn	Thủy Đường	719	21	21
49	MN Trung Hà	Thủy Hà	407	14	14
50	MN Thủy Triều	Thủy Hà	669	18	22
51	TH Thủy Triều	Thủy Hà	1154	30	33
52	TH Trung Hà	Thủy Hà	612	17	17

Stt	Trường	Phường/Xã	Số học sinh/ Trẻ	Số lớp	
				Trường đang thực hiện	Chia học sinh (trẻ) theo Điều lệ trường
53	MN Kênh Giang	Trần Hưng Đạo	596	18	21
54	MN Đông Sơn	Trần Hưng Đạo	403	16	14
55	TH Đông Sơn	Trần Hưng Đạo	637	18	18
56	TH Kênh Giang	Trần Hưng Đạo	1022	26	29

3. Các trường không thực hiện sáp nhập

Stt	Trường	Phường/Xã	Số học sinh/ Trẻ	Số lớp	
				Trường đang thực hiện	Chia học sinh (trẻ) theo Điều lệ trường
1	MN An Lư	An Lư	811	22	28
2	TH An Lư	An Lư	1241	34	35
3	THCS An Lư	An Lư	1115	26	25
4	MN Minh Tân	Bạch Đằng	705	20	25
5	THCS Trần Nhật Duật	Bạch Đằng	741	19	16
6	MN Hoà Bình	Hoà Bình	704	22	24
7	TH Hoà Bình	Hoà Bình	1086	31	31
8	THCS Hoà Bình	Hoà Bình	982	22	22
9	MN Hoa Động	Hoa Động	594	18	21
10	TH Hoa Động	Hoa Động	929	25	27
11	THCS Hoa Động	Hoa Động	798	18	18
12	MN Lập Lễ	Lập Lễ	681	20	24
13	TH Lập Lễ	Lập Lễ	1129	29	32
14	THCS Lập Lễ	Lập Lễ	911	21	20
15	TH Lưu Kiếm	Lưu Kiếm	1438	40	41
16	THCS Lưu Kiếm	Lưu Kiếm	1143	27	25
17	MN Minh Đức	Minh Đức	571	16	19
18	TH Minh Đức	Minh Đức	905	23	26
19	THCS Minh Đức	Minh Đức	918	21	20
20	THCS Phan Chu Trinh	Ninh Sơn	925	23	21
21	MN Ngũ Lão	Phạm Ngũ Lão	721	21	25
22	TH Ngũ Lão	Phạm Ngũ Lão	1340	34	38
23	THCS Ngũ Lão	Phạm Ngũ Lão	1128	25	25
24	MN Quảng Thanh	Quảng Thanh	558	20	19
25	TH Quảng Thanh	Quảng Thanh	1018	28	29
26	THCS Quảng Thanh	Quảng Thanh	868	20	19
27	MN Tam Hưng	Tam Hưng	242	10	9

Stt	Trường	Phường/Xã	Số học sinh/ Trẻ	Số lớp	
				Trường đang thực hiện	Chia học sinh (trẻ) theo Điều lệ trường
28	MN Thiên Hương	Thiên Hương	520	16	17
29	TH Thiên Hương	Thiên Hương	1004	28	29
30	THCS Thiên Hương	Thiên Hương	870	20	19
31	MN Sao Mai	Thủy Đường	626	18	22
32	TH Núi Đèo	Thủy Đường	966	26	28
33	THCS Lê Ích Mộc	Thủy Đường	1621	35	36
34	THCS Thủy Đường	Thủy Đường	989	23	22
35	THCS Nguyễn Văn Cừ	Thủy Hà	1311	29	29
36	THCS Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo	1308	30	29

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và địa phương để triển khai thực hiện Phương án.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để xây dựng Đề án hợp nhất, sáp nhập các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2025 ngay sau khi phương án được các cấp thông qua; phối hợp với phòng Nội vụ, phòng Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định sáp nhập các cơ sở giáo dục; phối hợp với các ngành để tham mưu với Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố kiện toàn bộ máy lãnh đạo của các trường mới sau khi sắp xếp; khảo sát thực tế về cơ cấu, chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh để tham mưu bố trí sắp xếp công tác đội ngũ sau khi sắp xếp trường học.

- Phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan, các xã/phường hướng dẫn các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thực hiện việc kiểm kê, bàn giao tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh và hồ sơ quản lý của các trường sau khi sáp nhập.

- Chỉ đạo các trường xây dựng, bố trí sắp xếp về tổ chuyên môn, công tác hành chính của nhà trường.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân các phường/xã tiếp tục rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các trường học, điều chỉnh hợp lý quy mô lớp học, thu gọn các điểm trường, bảo đảm nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; chuyển

đổi mô hình cơ sở giáo dục tiểu học, trung học cơ sở ra ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hóa cao gắn với việc tinh giản biên chế.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch giáo dục để phù hợp với chỉ đạo của Trung ương và thành phố về việc tinh giản biên chế, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện nội dung Phương án của các cơ quan, đơn vị và địa phương; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Phương án với Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Phòng Nội vụ

- Phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng Đề án sắp xếp, sáp nhập các trường mầm non, tiểu học, THCS theo từng giai đoạn.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các trường; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý, phân công công tác đối với giáo viên, nhân viên các trường sau sáp nhập.

- Hướng dẫn đơn vị mới thành lập xây dựng Đề án vị trí việc làm; tham mưu giải quyết chế độ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có liên quan.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo, phòng Kinh tế - Hạ tầng, phòng Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các xã/phường hướng dẫn các đơn vị kiểm kê tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị; quyết toán tài chính. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, thực hiện việc phân bổ ngân sách theo phân cấp.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố, đề nghị thành phố bố trí ngân sách để giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ, viên chức và người lao động dôi dư hoặc có nguyện vọng được tinh giản sau khi sắp xếp.

4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng, phòng Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với các phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã/phường thẩm định kiểm kê tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị của các cơ sở giáo dục trước khi thực hiện việc sắp xếp.



5. Phòng Tư pháp

Phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo, phòng Nội vụ thẩm định đề án sắp xếp, sáp nhập các trường mầm non, tiểu học, THCS; phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định sáp nhập các cơ sở giáo dục.

6. Ủy ban nhân dân các xã/phường có các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập thuộc đối tượng sắp xếp, sáp nhập

- Triển khai thực hiện Phương án tới các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn xã theo thẩm quyền, chức năng nhiệm vụ, phù hợp với tình hình của địa phương.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã kiểm kê cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài sản báo cáo các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Đề nghị Ban Chấp hành Đảng bộ xã/phường chỉ đạo các trường sau sáp nhập kiện toàn các tổ chức Đảng, các chức danh trong cấp ủy, chi bộ Đảng theo quy định.

7. Đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trong diện sắp xếp, sáp nhập

- Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt tới đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động trong đơn vị để hiểu rõ mục đích, yêu cầu của việc sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình thực hiện; đảm bảo hiệu quả, thông suốt và thống nhất hành động.

- Tổ chức rà soát, kiểm kê, thông kê lao động, trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị, hồ sơ, tài liệu, tài sản, tài chính, đất đai báo cáo UBND thành phố, chuẩn bị cho việc sáp nhập.

- Tham mưu với các cơ quan cấp trên kiện toàn các tổ chức Đảng, đoàn thể trong đơn vị; kiện toàn tổ chức bộ máy của đơn vị theo quy định tại Điều lệ; xây dựng Quy chế làm việc, bố trí sắp xếp, phân công nhiệm vụ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên một cách khoa học, hợp lý; xây dựng kế hoạch sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính, tài sản đảm bảo hiệu quả; sớm ổn định hoạt động của nhà trường sau sáp nhập.

8. Đề nghị UBMTTQ Việt Nam thành phố và các tổ chức đoàn thể

Trên cơ sở Phương án được phê duyệt, đề nghị UBMTTQ và các tổ chức đoàn



thể của thị xã tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên tham gia tích cực việc thực hiện các nội dung Kế hoạch.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, các xã, phường kịp thời phản ánh về UBND thành phố (qua Phòng Giáo dục và Đào tạo) để xem xét, giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Sở GD&ĐT;
- TT. Thành ủy Thủy Nguyên;
- TT. HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, phường;
- Các Trường MN, TH, THCS;
- Lưu: VT.

4

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Hoàng



QUY MÔ SỐ LỚP, SỐ HỌC SINH, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI CÁC TRƯỜNG THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN ĐẾN HẾT THÁNG 12/2024

PHỤ LỤC SỐ: 01

(Kèm theo Phương án số: 01/PA-UBND, ngày 17 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Thủy Nguyên)

STT	Trường	Bậc học	Xã/ Phường	Tổng số		CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN CỦA TRƯỜNG													
						Biên chế							Hợp đồng						
				Lớp	Học sinh/ Trẻ	Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó						
							Tổng số	Hiệu trưởng	Phó HT	Giáo viên	Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội		Nhân viên HC (thí nghiệm, thư viên, văn thư, kế toán...)	Giáo viên	Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội	Nhân viên HC (thí nghiệm, thư viên, văn thư, kế toán...)	Nhân viên nuôi	Bảo vệ	Lao công
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	MN An Lư	MN	An Lư	22	812	65	48	1	2	44		1	17				14	3	3
2	MN Gia Đức	MN	Bạch Đằng	13	370	38	29	1	2	25		1	9				7	2	1
3	MN Gia Minh	MN	Bạch Đằng	12	283	34	26	1	2	23			8			1	6	1	1
4	MN Minh Tân	MN	Bạch Đằng	20	705	63	47	1	2	43		1	16				14	2	1
5	MN Dương Quan	MN	Dương Quan	14	440	41	31	1	2	27		1	10				9	1	2
6	MN Tân Dương	MN	Dương Quan	15	519	45	36	1	2	32		1	9				8	1	1
7	MN Hòa Bình	MN	Hòa Bình	22	704	67	50		2	47		1	17			1	14	2	
8	MN Hoa Động	MN	Hoa Động	18	594	56	43	1	2	39		1	13				11	2	1
9	MN Hoàng Động	MN	Hoàng Lâm	15	405	45	35	1	2	31		1	10				9	1	1
10	MN Lâm Động	MN	Hoàng Lâm	12	403	38	28	1	2	24		1	10			1	8	1	1
11	MN Lập Lễ	MN	Lập Lễ	20	681	60	44	1	2	40		1	16			1	14	1	1
12	MN Kiên Bái	MN	Lê Hồng Phong	20	646	61	45		2	42		1	16				14	2	1
13	MN Mỹ Đồng	MN	Lê Hồng Phong	15	471	46	36	1	2	32		1	10				9	1	1
14	MN Lại Xuân	MN	Liên Xuân	19	510	56	45	1	1	42		1	11				10	1	1
15	MN Liên Khê	MN	Liên Xuân	24	695	77	58	1	2	54		1	19				17	2	1
16	MN Lưu Kiếm	MN	Lưu Kiếm	25	794	76	58	1	2	54		1	18				15	3	2
17	MN Lưu Kỳ	MN	Lưu Kiếm	10	203	31	25	1	2	21		1	6				5	1	1
18	MN Minh Đức	MN	Minh Đức	16	571	48	33	1	2	30			15	1		1	11	2	1



Handwritten signature

STT	Trường	Bậc học	Xã/ Phường	Tổng số		CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN CỦA TRƯỜNG													
						Tổng số	Biên chế						Hợp đồng						
				Lớp	Học sinh/ Trẻ		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó						
								Hiệu trưởng	Phó HT	Giáo viên	Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội		Nhân viên HC (thí nghiệm, thư viên, văn thư, kế toán...)	Giáo viên	Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội	Nhân viên HC (thí nghiệm, thư viên, văn thư, kế toán...)	Nhân viên nuôi	Bảo vệ	Lao công
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
19	MN Phả Lễ	MN	Nam Triệu Giang	13	389	38	29	1	2	25		1	9				8	1	1
20	MN Phục Lễ	MN	Nam Triệu Giang	13	425	39	29	1	2	26			10			1	8	1	1
21	MN An Sơn	MN	Ninh Sơn	15	354	44	33	1	2	30			11			1	8	2	1
22	MN Kỳ Sơn	MN	Ninh Sơn	19	557	56	41	1	2	38			15			1	12	2	1
23	MN Phù Ninh	MN	Ninh Sơn	14	327	37	28		2	25		1	9				7	2	1
24	MN Ngũ Lão	MN	Phạm Ngũ Lão	21	721	69	51	1	2	47		1	18			1	14	3	1
25	MN Quảng Thanh	MN	Quảng Thanh	20	558	61	47	1	2	43		1	14				12	2	2
26	MN Cao Nhân	MN	Quang Trung	13	414	39	30	1	2	26		1	9				8	1	1
27	MN Chính Mỹ	MN	Quang Trung	15	497	45	32	1	1	30			13			1	10	2	
28	MN Hợp Thành	MN	Quang Trung	15	498	52	40	1	2	36		1	12				10	2	
29	MN Tam Hưng	MN	Tam Hưng	10	242	29	23	1	2	19		1	6				5	1	
30	MN Thiên Hương	MN	Thiên Hương	16	520	50	38	1	2	34		1	12				10	2	2
31	MN Sao Mai	MN	Thủy Đường	18	626	56	44	1	2	39		2	12				10	2	4
32	MN Thủy Đường	MN	Thủy Đường	20	758	62	46	1	2	42		1	16				14	2	2
33	MN Thủy Sơn	MN	Thủy Đường	14	415	44	32	1	1	29		1	12				10	2	2
34	MN Thủy Triều	MN	Thủy Hà	18	669	52	37	1	2	33		1	15				12	3	2
35	MN Trung Hà	MN	Thủy Hà	14	409	41	29	1	1	26		1	12			1	9	2	1
36	MN Đông Sơn	MN	Trần Hưng Đạo	16	403	46	35		2	32		1	11				10	1	
37	MN Kênh Giang	MN	Trần Hưng Đạo	18	596	63	47	1	2	43		1	16				14	2	1
	Cộng			614	19184	1870	1408	33	70	1273	0	32	462	1	0	11	386	64	45



(Handwritten signature)



QUY MÔ SỐ LỚP, SỐ HỌC SINH, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI CÁC TRƯỜNG THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN ĐẾN HẾT THÁNG 12/2024

PHỤ LỤC SỐ: 02

(Kèm theo Phương án số: 01 /PA-UBND, ngày 17 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Thủy Nguyên)

STT	Trường	Bậc học	Xã/ Phường	Tổng số		CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN CỦA TRƯỜNG													
						Biên chế							Hợp đồng						
				Lớp	Học sinh/ Trẻ	Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó						
							Hiệu trưởng	Phó HT	Giáo viên	Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội	Nhân viên HC (thí nghiệm, thư viên, văn thư, kế toán...)		Giáo viên	Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội	Nhân viên HC (thí nghiệm, thư viên, văn thư, kế toán...)	Nhân viên nuôi	Bảo vệ	Lao công	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	TH An Lư	TH	An Lư	34	1,231	56	54	1	2	48	1	2	2					2	2
2	TH Gia Đức	TH	Bạch Đằng	15	526	24	22		1	19		2	2	1				1	1
3	TH Gia Minh	TH	Bạch Đằng	10	363	16	15	1	1	12		1	1					1	1
4	TH Minh Tân	TH	Bạch Đằng	27	969	40	38	1	1	34		2	2					2	1
5	TH Dương Quan	TH	Dương Quan	20	746	35	32	1	1	28	1	1	3			1		2	1
6	TH Tân Dương	TH	Dương Quan	21	721	38	36	1	1	32	1	1	2					2	1
7	TH Hòa Bình	TH	Hoà Bình	31	1,085	52	47	1	2	41		3	5	2				3	2
8	TH Hoa Động	TH	Hoa Động	25	929	41	36	1	1	32	1	1	5	3				2	1
9	TH Hoàng Động	TH	Hoàng Lâm	19	689	35	33	1	1	30	1		2			1		1	1
10	TH Lâm Động	TH	Hoàng Lâm	15	538	25	24	1	1	21		1	1					1	1
11	TH Lập Lễ	TH	Lập Lễ	29	1,127	45	44	1	2	39		2	1					1	1
12	TH Kiên Bái	TH	Lê Hồng Phong	30	1,120	51	48	1	2	44		1	3	1		1		1	1
13	TH Mỹ Đồng	TH	Lê Hồng Phong	19	678	30	28	1	1	24	1	1	2					2	1
14	TH Lại Xuân	TH	Liên Xuân	22	789	44	41	1	1	36	1	2	3					3	1
15	TH Liên Khê	TH	Liên Xuân	29	1,083	42	38	1	2	33	1	1	4	2				2	1
16	TH Lưu Kiếm	TH	Lưu Kiếm	40	1,438	64	58	1	2	53	1	1	6	1		1		4	1
17	TH Minh Đức	TH	Minh Đức	23	903	40	36	1	1	33	1		4			2		2	1
18	TH Phả Lễ	TH	Nam Triệu Giang	15	598	24	22	1	1	19	1		2			1		1	1





QUY MÔ SỐ LỚP, SỐ HỌC SINH, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI CÁC TRƯỜNG THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN ĐẾN HẾT THÁNG 12/2024

PHỤ LỤC SỐ: 03

(Kèm theo Phương án số: 01 /PA-UBND, ngày 07 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Thủy Nguyên)

STT	Trường	Bậc học	Xã/ Phường	Tổng số		CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN CỦA TRƯỜNG													
						Biên chế							Hợp đồng						
				Lớp	Học sinh/ Trẻ	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó							
							Hiệu trưởng	Phó HT	Giáo viên	Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội		Nhân viên HC (thí nghiệm, thư viên, văn thư, kế toán...)	Giáo viên	Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội	Nhân viên HC (thí nghiệm, thư viên, văn thư, kế toán...)	Nhân viên nuôi	Bảo vệ	Lao công	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	THCS An Lư	THCS	An Lư	26	1,115	45	44	1	1	41		1	1					1	
2	THCS Minh Tân	THCS	Bạch Đằng	19	802	37	34	1	1	31		1	3	1		1		1	1
3	THCS Trần Nhật Duật	THCS	Bạch Đằng	19	740	34	28	1	2	22	1	2	6	3		1		2	
4	THCS Dương Quan	THCS	Dương Quan	17	672	38	36	1	1	30	1	3	2	1				1	1
5	THCS Tân Dương	THCS	Dương Quan	14	621	34	33	1	1	26	1	4	1					1	
6	THCS Hòa Bình	THCS	Hoà Bình	22	982	45	43	1	1	37	1	3	2			1		1	1
7	THCS Hoa Động	THCS	Hoa Động	18	796	40	38	1	1	32	1	3	2	1				1	1
8	THCS Hoàng Động	THCS	Hoàng Lâm	14	604	31	27	1	1	24		1	4	3				1	1
9	THCS Lâm Động	THCS	Hoàng Lâm	13	525	27	24	1	1	20		2	3	2				1	1
10	THCS Lập Lễ	THCS	Lập Lễ	21	911	40	37	1	1	32	1	2	3	1		1		1	1
11	THCS Kiên Bái	THCS	Lê Hồng Phong	22	994	40	39	1	1	35		2	1					1	1
12	THCS Mỹ Đồng	THCS	Lê Hồng Phong	15	572	33	30	1	1	25	1	2	3			1		2	
13	THCS Lại Xuân	THCS	Liên Xuân	20	856	42	37	1	1	32		3	5	3				2	
14	THCS Liên Khê	THCS	Liên Xuân	22	954	40	34	1	1	30		2	6	3		1		2	1
15	THCS Lưu Kiếm	THCS	Lưu Kiếm	27	1,147	50	48	1	1	44		2	2					2	1
16	THCS Minh Đức	THCS	Minh Đức	21	918	37	35	1	1	32		1	2	1				1	1
17	THCS Phả Lễ	THCS	Nam Triệu Giang	13	493	28	23	1	1	17	1	3	5	3				2	1
18	THCS Phục Lễ	THCS	Nam Triệu Giang	13	535	28	25	1	1	22		1	3	1		1		1	1



STT	Trường	Bậc học	Xã/ Phường	Tổng số		CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN CỦA TRƯỜNG													
						Biên chế							Hợp đồng						
				Lớp	Học sinh/ Trẻ	Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó						
							Tổng số	Hiệu trưởng	Phó HT	Giáo viên	Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội		Nhân viên HC (thí nghiệm, thư viên, văn thư, kế toán...)	Giáo viên	Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội	Nhân viên HC (thí nghiệm, thư viên, văn thư, kế toán...)	Nhân viên nuôi	Bảo vệ	Lao công
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
19	THCS Kỳ Sơn	THCS	Ninh Sơn	18	780	34	30	1	1	24	1	3	4	2				2	1
20	THCS Phan Chu Trinh	THCS	Ninh Sơn	23	924	44	44	1	2	35	1	5							
21	THCS Ngũ Lão	THCS	Phạm Ngũ Lão	25	1,129	51	47	1	1	40	1	4	4	2				2	1
22	THCS Quảng Thanh	THCS	Quảng Thanh	20	868	38	35	1	1	30		3	3	1				2	2
23	THCS Cao Nhân	THCS	Quang Trung	16	679	32	28	1	1	26			4	2		1		1	1
24	THCS Chính Mỹ	THCS	Quang Trung	18	765	34	30	1	1	26	1	1	4	2		1		1	1
25	THCS Hợp Thành	THCS	Quang Trung	15	602	29	28	1	1	25		1	1					1	1
26	THCS Tam Hưng	THCS	Tam Hưng	13	530	30	26	1	1	20	1	3	4	2		1		1	1
27	THCS Thiên Hương	THCS	Thiên Hương	20	871	39	35	1	1	31	1	1	4			3		1	1
28	THCS Lê Ích Mộc	THCS	Thủy Đường	35	1,618	64	59	1	2	52	1	3	5	3				2	
29	THCS Thủy Đường	THCS	Thủy Đường	23	990	49	43	1	1	37	1	3	6	3		1		2	
30	THCS Nguyễn Văn Cừ	THCS	Thủy Hà	29	1,309	58	54	1	3	46	1	3	4					4	2
31	THCS Trần Hưng Đạo	THCS	Trần Hưng Đạo	30	1,308	63	56	1	2	49	1	3	7	3				4	2
	Cộng			621	26610	1234	1130	31	37	973	18	71	104	43	0	14	0	47	27

TRẦN NGUYỄN VĂN CỪ
PHẠM HẢI

PHƯƠNG ÁN RA SOÁT SẮP XẾP, SẮP NHẬP CÁC TRƯỜNG THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN TỪ NĂM 2025

PHỤ LỤC SỐ: 04

(Kèm theo Phương án số: 01 /PA-UBND, ngày 17 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Thủy Nguyên)

Stt	Trường	Phường/Xã	Số học sinh/ Trẻ	Số lớp		Số học sinh/ trẻ trường sau sáp nhập	Số lớp trường sau sáp nhập		Phương án sắp xếp
				Trường đang thực hiện	Chia học sinh (trẻ) theo Điều lệ trường		Trường đang thực hiện	Chia học sinh (trẻ) theo Điều lệ trường	
I- CÁC TRƯỜNG GIỮ NGUYÊN									
1	MN An Lư	An Lư	811	22	28				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
2	TH An Lư	An Lư	1241	34	35				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
3	THCS An Lư	An Lư	1,115	26	25				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
4	THCS Trần Nhật Duật	Bạch Đằng	741	19	16				Đã sáp nhập theo kế hoạch 57 của UBND thành phố HP
5	MN Hòa Bình	Hoà Bình	704	22	24				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
6	TH Hoà Bình	Hoà Bình	1086	31	31				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
7	THCS Hoà Bình	Hoà Bình	982	22	22				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
8	MN Hoa Động	Hoa Động	594	18	21				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
9	TH Hoa Động	Hoa Động	929	25	27				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
10	THCS Hoa Động	Hoa Động	798	18	18				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
11	MN Lập Lễ	Lập Lễ	681	20	24				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
12	TH Lập Lễ	Lập Lễ	1129	29	32				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
13	THCS Lập Lễ	Lập Lễ	911	21	20				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
14	TH Lưu Kiếm	Lưu Kiếm	1438	40	41				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
15	THCS Lưu Kiếm	Lưu Kiếm	1,143	27	25				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
16	MN Minh Đức	Minh Đức	571	16	19				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
17	TH Minh Đức	Minh Đức	905	23	26				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
18	THCS Minh Đức	Minh Đức	918	21	20				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
19	THCS Phan Chu Trinh	Ninh Sơn	925	23	21				Đã sáp nhập theo kế hoạch 57 của UBND thành phố HP
20	MN Ngũ Lão	Phạm Ngũ Lão	721	21	25				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)



Handwritten signature or mark.

Stt	Trường	Phường/Xã	Số học sinh/ Trẻ	Số lớp		Số học sinh/ trẻ trường sau sáp nhập	Số lớp trường sau sáp nhập		Phương án sáp xếp
				Trường đang thực hiện	Chia học sinh (trẻ) theo Điều lệ trường		Trường đang thực hiện	Chia học sinh (trẻ) theo Điều lệ trường	
21	TH Ngũ Lão	Phạm Ngũ Lão	1340	34	38				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
22	THCS Ngũ Lão	Phạm Ngũ Lão	1,128	25	25				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
23	MN Quảng Thanh	Quảng Thanh	558	20	19				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
24	TH Quảng Thanh	Quảng Thanh	1018	28	29				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
25	THCS Quảng Thanh	Quảng Thanh	868	20	19				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
26	MN Tam Hưng	Tam Hưng	242	10	9				Giữ nguyên do số lớp từ 10 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
27	MN Thiên Hương	Thiên Hương	520	16	17				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
28	TH Thiên Hương	Thiên Hương	1004	28	29				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
29	THCS Thiên Hương	Thiên Hương	870	20	19				Giữ nguyên do số lớp trên 14 lớp và 01 trường/ 1 xã (phường)
30	MN Sao Mai	Thủy Đường	626	18	22				Xây dựng trường tiên tiến chất lượng cao và tự chủ theo NQ 18
31	TH Núi Đèo	Thủy Đường	966	26	28				Xây dựng trường tiên tiến chất lượng cao và tự chủ theo NQ 18
32	THCS Lê Ích Mộc	Thủy Đường	1,621	35	36				Xây dựng trường tiên tiến chất lượng cao và tự chủ theo NQ 18
33	THCS Thủy Đường	Thủy Đường	989	23	22				Phường trung tâm xây dựng 2 trường/1 bậc học (một trường PCGD, một trường tiên tiến CLC và tự chủ
34	THCS Nguyễn Văn Cừ	Thủy Hà	1,311	29	29				Đã sáp nhập theo kế hoạch 57 của UBND thành phố HP
35	THCS Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo	1,308	30	29				Đã sáp nhập theo kế hoạch 57 của UBND thành phố HP
36	MN Minh Tân	Bạch Đằng	705	20	25				Giữ nguyên chưa sáp nhập vì sáp nhập 3 trường khoảng cách xa, quy mô vượt quá 30 lớp, nhiều điểm trường

II- CÁC TRƯỜNG THỰC HIỆN RÀ SOÁT ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀO NHỮNG NĂM TIẾP THEO

1	TH Minh Tân	Bạch Đằng	969	27	28	1,775	46	46	Do đã sáp nhập TH Gia Minh và TH Gia Đức; THCS Gia Minh và THCS Gia Đức thành THCS Trần Nhật Duật, giai đoạn tiếp theo sẽ thực hiện sáp nhập trường liên cấp TH&THCS Minh Tân hoặc sáp nhập THCS Minh Tân và THCS Trần Nhật Duật
2	THCS Minh Tân	Bạch Đằng	806	19	18				
3	MN Dương Quan	Dương Quan	443	14	16	962	29	34	Thực hiện giai đoạn sau vì hiện có số lớp từ 15 lớp trở lên, trường sau khi sáp nhập có số lớp theo điều lệ vượt quá 30 lớp.
4	MN Tân Dương	Dương Quan	519	15	18				

Stt	Trường	Phường/Xã	Số học sinh/ Trẻ	Số lớp		Số học sinh/ trẻ trường sau sáp nhập	Số lớp trường sau sáp nhập		Phương án sắp xếp
				Trường đang thực hiện	Chia học sinh (trẻ) theo Điều lệ trường		Trường đang thực hiện	Chia học sinh (trẻ) theo Điều lệ trường	
5	TH Dương Quan	Dương Quan	746	20	21	1,466	41	42	Thực hiện thời gian tiếp theo do số lớp, số học sinh trường sau sáp nhập trường quá quy định và và 2 trường có số lớp trên 14 lớp.
6	TH Tân Dương	Dương Quan	720	21	21				
7	THCS Dương Quan	Dương Quan	672	17	15	1296	31	29	
8	THCS Tân Dương	Dương Quan	624	14	14				Giữ ổn định do 2 trường ở Phường trung tâm hành chính thành phố, nhiều khu đô thị và khu nhà ở xã hội để đầu tư đáp ứng được nhu cầu giai đoạn tiếp theo
9	MN Hoàng Động	Hoàng Lâm	405	15	14	808	27	28	Thực hiện giai đoạn sau vì hiện có 01 trường có số 15 lớp
10	MN Lâm Động	Hoàng Lâm	403	12	14				
11	TH Hoàng Động	Hoàng Lâm	690	19	20	1227	34	35	Thực hiện thời gian tiếp theo do số lớp, số học sinh trường sau sáp nhập trường quá quy định 30 lớp và và 2 trường có số lớp trên 14 lớp.
12	TH Lâm Động	Hoàng Lâm	537	15	15				
13	MN Mỹ Đồng	Lê Hồng Phong	471	15	16	1,117	35	38	Thực hiện thời gian tiếp theo do số lớp, số học sinh 2 trường có số lớp trên 14 lớp.
14	MN Kiên Bái	Lê Hồng Phong	646	20	22				
15	TH Kiên Bái	Lê Hồng Phong	1120	30	32	1,799	49	51	Thực hiện thời gian tiếp theo do số lớp, số học sinh trường sau sáp nhập trường quá quy định 40 lớp và 2 trường có số lớp trên 14 lớp.
16	TH Mỹ Đồng	Lê Hồng Phong	679	19	19				
17	THCS Kiên Bái	Lê Hồng Phong	992	22	22	1563	37	35	Thực hiện thời gian tiếp theo do số lớp, số học sinh 2 trường có số lớp trên 14 lớp, nhiều cụm công nghiệp, dân số cơ học phát triển mạnh nên thực hiện giai đoạn tiếp theo
18	THCS Mỹ Đồng	Lê Hồng Phong	571	15	13				
19	MN Lại Xuân	Liên Xuân	510	19	17	1,205	43	41	Chưa thực hiện vì khoảng cách giữa 2 trường xa (gần 10km), sau sáp nhập quy mô trường lớn (vượt xã quy định 30 lớp), 2 trường số lớp đều trên 14 lớp.
20	MN Liên Khê	Liên Xuân	695	24	24				
21	TH Lại Xuân	Liên Xuân	793	22	23	1,875	51	54	Chưa thực hiện vì khoảng cách giữa 2 trường xa (gần 10km), sau sáp nhập quy mô trường lớn (vượt xã quy định 40 lớp), 2 trường số lớp đều trên 14 lớp.
22	TH Liên Khê	Liên Xuân	1082	29	31				
23	THCS Lại Xuân	Liên Xuân	858	20	19	1,812	42	40	Chưa thực hiện vì khoảng cách giữa 2 trường xa (gần 10km), 2 trường số lớp đều trên 14 lớp.
24	THCS Liên Khê	Liên Xuân	954	22	21				

Stt	Trường	Phường/Xã	Số học sinh/ Trẻ	Số lớp		Số học sinh/ trẻ trường sau sáp nhập	Số lớp trường sau sáp nhập		Phương án sáp xếp
				Trường đang thực hiện	Chia học sinh (trẻ) theo Điều lệ trường		Trường đang thực hiện	Chia học sinh (trẻ) theo Điều lệ trường	
25	TH Phả Lễ	Nam Triệu Giang	598	15	17	1207	31	34	Trường TH Phục Lễ và TH Phả Lễ đều có số lớp từ 15 trở lên
26	TH Phục Lễ	Nam Triệu Giang	609	16	17				
27	MN Kỳ Sơn	Ninh Sơn	559	19	19	1,240	48	42	Chưa sáp nhập vì sáp nhập 3 trường khoảng cách xa, quy mô vượt quá 30 lớp, nhiều điểm trường (5 điểm trường), tính toán sáp nhập 2/3 trường trong giai đoạn tiếp theo
28	MN An Sơn	Ninh Sơn	354	15	12				
29	MN Phù Ninh	Ninh Sơn	327	14	11				
30	TH An Sơn	Ninh Sơn	535	15	15	996	29	28	Chưa thực hiện sáp nhập trong năm 2025 vì sau sáp nhập trường có 4 điểm trường xa nhau (2 điểm xa nhất khoảng cách khoảng 7 km).
31	TH Phù Ninh	Ninh Sơn	461	14	13				THCS An Sơn và THCS Phù Ninh thành THCS Phan Chu Trinh; giai đoạn tiếp theo thực hiện sáp nhập thành trường liên cấp
32	TH Kỳ Sơn	Ninh Sơn	863	23	25	1,643	41	42	
33	THCS Kỳ Sơn	Ninh Sơn	780	18	17				
34	MN Hợp Thành	Quang Trung	498	15	17	1,409	43	48	Chưa sáp nhập vì sáp nhập 3 trường khoảng cách xa, quy mô vượt quá 30 lớp, nhiều điểm trường (5 điểm trường), có phương án sáp nhập 2/3 trường trong giai đoạn tiếp theo
35	MN Chính Mỹ	Quang Trung	497	15	17				
36	MN Cao Nhân	Quang Trung	414	13	14				
37	TH Chính Mỹ	Quang Trung	969	26	28	2,533	69	72	Chưa sáp nhập vì sáp nhập 3 trường khoảng cách xa, quy mô vượt quá 40 lớp, nhiều điểm trường (4 điểm trường), có phương án sáp nhập 2/3 trường trong giai đoạn tiếp theo hoặc sáp nhập trường Phổ thông liên cấp với trường THCS
38	TH Hợp Thành	Quang Trung	712	20	20				
39	TH Cao Nhân	Quang Trung	852	23	24				
40	THCS Chính Mỹ	Quang Trung	766	18	17	2,050	49	45	Thực hiện sáp nhập 3 trường THCS hoặc sáp nhập 2 trường THCS, trường THCS còn lại sáp nhập trường tiểu học để thành trường liên cấp
41	THCS Cao Nhân	Quang Trung	681	16	15				
42	THCS Hợp Thành	Quang Trung	603	15	13				
43	TH Tam Hưng	Tam Hưng	527	15	15	1,059	28	27	Giai đoạn tiếp theo, sáp nhập trường TH Tam Hưng và THCS Tam Hưng thành lập trường tiểu học và trung học cơ sở Tam Hưng
44	THCS Tam Hưng	Tam Hưng	532	13	12				
45	MN Thủy Sơn	Thủy Đường	415	14	15	1,173	34	41	Thực hiện thời gian tiếp theo do số lớp, số học sinh trường sau sáp nhập trường quá quy định 30 lớp và 2 trường có số lớp trên 14 lớp.
46	MN Thủy Đường	Thủy Đường	758	20	26				

Stt	Trường	Phường/Xã	Số học sinh/ Trẻ	Số lớp		Số học sinh/ trẻ trường sau sáp nhập	Số lớp trường sau sáp nhập		Phương án sắp xếp
				Trường đang thực hiện	Chia học sinh (trẻ) theo Điều lệ trường		Trường đang thực hiện	Chia học sinh (trẻ) theo Điều lệ trường	
47	TH Thủy Đường	Thủy Đường	1232	31	35	1,951	52	56	Tiếp tục rà soát để sáp nhập trong thời gian tiếp theo do số lớp, số học sinh trường sau sáp nhập trường quá quy định và và 2 trường có số lớp trên 14 lớp.
48	TH Thủy Sơn	Thủy Đường	719	21	21				
49	MN Trung Hà	Thủy Hà	407	14	14	1,076	32	36	Thực hiện thời gian tiếp theo do số lớp, số học sinh trường sau sáp nhập trường quá quy định 30 lớp và và 2 trường có số lớp trên 14 lớp.
50	MN Thủy Triều	Thủy Hà	669	18	22				
51	TH Thủy Triều	Thủy Hà	1154	30	33	1,766	47	50	Tiếp tục rà soát để sáp nhập trong thời gian tiếp theo do số lớp, số học sinh trường sau sáp nhập trường quá quy định và và 2 trường có số lớp trên 14 lớp.
52	TH Trung Hà	Thủy Hà	612	17	17				
53	MN Kênh Giang	Trần Hưng Đạo	596	18	21	999	34	35	Thực hiện thời gian tiếp theo do số lớp, số học sinh trường sau sáp nhập trường quá quy định 30 lớp và và 2 trường có số lớp trên 14 lớp.
54	MN Đông Sơn	Trần Hưng Đạo	403	16	14				
55	TH Đông Sơn	Trần Hưng Đạo	637	18	18	1,659	44	47	Tiếp tục rà soát để sáp nhập trong thời gian tiếp theo do số lớp, số học sinh trường sau sáp nhập trường quá quy định và và 2 trường có số lớp trên 14 lớp.
56	TH Kênh Giang	Trần Hưng Đạo	1022	26	29				
III- CÁC TRƯỜNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, SÁP NHẬP NĂM 2025									
1	MN Gia Đức	Bạch Đằng	370	13	13	653	25	23	Sáp nhập trường mầm non Gia Đức và Gia Minh, thành lập trường mầm non Bạch Đằng
2	MN Gia Minh	Bạch Đằng	283	12	10				
3	MN Lưu Kiếm	Lưu Kiếm	794	25	27	997	35	35	Sáp nhập trường MN Lưu Kỳ và MN Lưu Kiếm thành lập trường MN Lưu Kiếm
4	MN Lưu Kỳ	Lưu Kiếm	203	10	8				
5	MN Phả Lễ	Nam Triệu Giang	389	13	13	814	26	28	Sáp nhập trường MN Phục Lễ và MN Phả Lễ thành lập trường MN Nam Triệu Giang
6	MN Phục Lễ	Nam Triệu Giang	425	13	15				
7	TH Gia Đức	Bạch Đằng	525	15	15	890	25	25	Sáp nhập trường TH Gia Minh và TH Gia Đức thành lập trường TH Bạch Đằng
8	TH Gia Minh	Bạch Đằng	365	10	10				
9	THCS Hoàng Động	Hoàng Lâm	604	14	13	1129	27	25	Sáp nhập trường THCS Lâm Động và THCS Hoàng Động thành lập trường THCS Hoàng Lâm
10	THCS Lâm Động	Hoàng Lâm	525	13	12				
11	THCS Phả Lễ	Nam Triệu Giang	494	13	11	1029	26	23	Sáp nhập trường THCS Phục Lễ và THCS Phả Lễ thành lập trường THCS Nam Triệu Giang
12	THCS Phục Lễ	Nam Triệu Giang	535	13	12				

M. NGUYEN